

Số: 194/2026/QĐST - HNGĐ

Phúc Yên, ngày 18 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - PHÚ THỌ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đường Ngọc Đại

Ông Nguyễn Quốc Đạt

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản thảo luận ngày 18 tháng 9 năm 2026;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 236/2026/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; số CCCD: 026187005947; địa chỉ: Thôn Đ P, xã X L, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; số CCCD: 026080003759; địa chỉ: Thôn Đ P, xã X L, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 04/12/2010 và cháu Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 02/09/2012, hiện đang ở với chị Tuyến, anh Đồng.

Ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 04/12/2010 và cháu Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 02/09/2012, chị Tuyến không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đồng.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ đều thống nhất, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005336 ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Tuyến đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Phú Thọ;
- UBND xã Xuân Lăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thái

